

BẢN SAO

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư EPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC được thành lập và hoạt động theo Nghị quyết số 09/2009/TBĐVN/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0104083642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lại lần thứ 8 ngày 29/12/2017, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư EPT.

Tư sở chính của Công ty được đặt tại: Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoa Cường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2018
Ông Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2018
Bà Lân Hồng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thảo	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Thắng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Anh Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực ..... 2 2 9 6 ..... và số ..... 01. SCT/BS

Ngày 23-03-2019

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

PHÓ CHỦ TỊCH



**Nguyễn Thị Thuận**



Số: 180319.011/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dầu tư EPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu tư EPT được lập ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư EPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Thị Hoài Anh', written over a horizontal line.

**Vũ Xuân Biền**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1

**Trương Thị Hoài Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2446-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

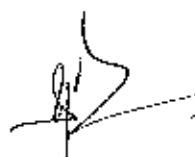
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	Đã điều chỉnh VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>136.881.976.254</b>	<b>151.549.361.112</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.267.450.510	3.976.797.826
111	1. Tiền		9.267.450.510	3.976.797.826
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		75.722.270.871	76.378.632.993
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	69.028.710.609	62.035.724.715
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.995.131.883	12.897.533.023
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.698.428.379	1.556.230.105
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(110.854.850)
140	IV. Hàng tồn kho	8	51.848.640.709	64.228.987.607
141	1. Hàng tồn kho		52.845.008.798	65.225.355.696
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(996.368.089)	(996.368.089)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		43.614.164	1.964.942.686
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	43.614.164	134.084.428
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.800.165.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	30.692.512
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.556.626.800</b>	<b>7.039.248.703</b>
220	II. Tài sản cố định		6.259.182.056	6.986.839.192
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	6.259.182.056	6.986.839.192
222	- Nguyên giá		13.981.990.223	13.443.369.314
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.722.808.167)	(6.456.530.122)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		70.000.000	70.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(70.000.000)	(70.000.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	275.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		275.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.443.944	52.401.511
261	I. Chi phí trả trước dài hạn	11	22.443.944	52.401.511
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>143.438.602.254</b>	<b>158.588.601.815</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	Đã điều chỉnh VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>110.150.078.162</b>	<b>125.548.272.889</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		110.150.078.162	125.198.175.889
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	9.820.403.913	15.143.083.119
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		839.972.290	728.645.868
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.743.859.735	806.031.023
314	4. Phải trả người lao động		1.787.136.750	1.842.085.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	209.365.349	107.235.026
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		24.090.000	25.710.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	92.318.942.472	102.722.811.062
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	2.104.457.900
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.406.307.653	1.718.116.291
330	II. Nợ dài hạn		-	350.097.000
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		-	350.097.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>33.288.524.092</b>	<b>33.040.328.926</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	33.288.524.092	33.040.328.926
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		908.063.635	908.063.635
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.227.000.000	2.727.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.153.460.457	9.405.265.291
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		352.265.291	550.109.213
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.801.195.166	8.855.156.078
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>143.438.602.254</b>	<b>158.588.601.815</b>



Nguyễn Thị Thảo  
Người lập

Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	
			Năm 2018	Năm 2017
			VND	Đã điều chỉnh VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	335.723.470.173	588.384.107.954
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	2.219.385.217	402.264.302
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		333.504.084.956	587.981.843.652
11	4. Giá vốn hàng bán	20	302.640.645.743	556.172.051.920
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.863.439.213	31.809.791.732
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	273.020.477	224.277.739
22	7. Chi phí tài chính	22	8.546.338.467	5.297.625.607
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.544.827.149	5.244.661.358
25	8. Chi phí bán hàng	23	8.345.485.607	11.096.288.971
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	6.651.471.233	6.498.894.685
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.593.164.383	9.141.260.208
31	11. Thu nhập khác	25	974.475.719	2.545.987.163
32	12. Chi phí khác	26	63.955.016	363.202.126
40	13. Lợi nhuận khác		910.520.703	2.182.785.037
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.503.685.086	11.324.045.245
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.702.489.920	2.468.889.167
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.801.195.166</u>	<u>8.855.156.078</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.401	4.428





Nguyễn Thị Thảo  
Người lập

Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	Đã điều chỉnh VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		359.717.403.002	605.022.383.803
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(319.150.985.241)	(666.712.303.381)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.726.649.427)	(6.613.553.175)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.403.407.709)	(5.203.729.521)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.493.889.167)	(2.067.776.462)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.256.529.896	970.148.857
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.215.490.314)	(3.917.073.794)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>14.983.511.040</i>	<i>(78.521.901.673)</i>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(226.500.000)	(584.898.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		30.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(550.000.000)	(12.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.275.000.000	7.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		182.510.234	77.646.523
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>4.711.010.234</i>	<i>(5.507.251.659)</i>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		317.060.928.586	319.587.865.876
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(327.464.797.176)	(237.424.458.694)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(14.403.868.590)</i>	<i>78.163.407.182</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	Đã điều chỉnh VND
50	Lưu chuyển tiền (muốn) trong năm		5.290.652.684	(5.865.748.150)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.976.797.826	9.842.545.976
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.267.450.510</u>	<u>3.976.797.826</u>

Nguyễn Thị Thảo  
Người lậpNguyễn Thị Thảo  
Kế toán trưởngHuỳnh Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại BMIC được thành lập và hoạt động theo Nghị quyết số 09/2009/TBĐVN/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại BMIC thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0104083642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lại lần thứ 8 ngày 29/12/2017, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư EPT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 20.000.000.000 đồng; trong đó có 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn và dịch vụ liên quan đến in (trừ các loại Nhà nước cấp); Sản xuất bao bì bằng giấy, bia; Sản xuất bao bì từ plastic;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

### 2. CHIẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi do lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khoản ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.15 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.18 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**2.20 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khẩn trương, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EIT**Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.22 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	257.635.513	221.971.329
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.009.814.997	3.754.826.497
	<b>9.267.450.510</b>	<b>3.976.797.826</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư dài hạn	275.000.000	275.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	275.000.000	275.000.000	-	-
	<b>275.000.000</b>	<b>275.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - TFKD KHDN Cornerstone có kỳ hạn 17 tháng, lãi suất từ 6,2%/năm dùng để bảo lãnh ký quỹ ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- CN Tổng công ty điện lực TPHCM TNHH-BQLDA lưới điện phân phối TP.HCM	2.502.464.418	-	9.722.780.529	-
- Công ty CP đầu tư và công nghệ Vạn Xuân	598.290.000	-	8.927.823.300	-
- Công ty Điện lực Thanh Trì	-	-	9.659.925.000	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Hải phòng	-	-	7.165.757.060	-
- Công ty cổ phần vật liệu điện và viễn thông Sam Cường	-	-	6.074.997.104	-
- Công ty điện lực Bình Dương	6.835.411.000	-	-	-
- Công ty Điện lực Gia Lâm	16.126.703.472	-	-	-
- Tổng công ty Điện lực Miền Trung	13.353.886.590	-	-	-
- Công ty CP đầu tư và TM thiết bị điện Miền Trung	7.220.366.092	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	22.391.589.037	-	20.484.441.722	(110.854.850)
	<b>69.028.710.609</b>	<b>-</b>	<b>62.035.724.715</b>	<b>(110.854.850)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**Số 91, Phố Hoa Lám, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Nghiệp Quảng	-	-	62.838.212	-
- Công ty TNHH SHAANXI JC ENGINEERING AND TRADING	-	-	8.547.608.000	-
- Công ty TNHH PSI Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	530.582.800	-	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư VIETS	1.908.500.000	-	-	-
- Công ty cổ phần OPTIMATS	1.619.338.335	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	936.710.748	-	4.287.086.811	-
	<b>4.995.131.883</b>	<b>-</b>	<b>12.897.533.023</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	210.988.052	-	137.156.116	-
Ký cược, ký quỹ	1.487.440.327	-	1.419.073.989	-
	<b>1.698.428.379</b>	<b>-</b>	<b>1.556.230.105</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.606.832.291	(288.193.650)	3.310.857.767	(288.193.650)
Công cụ, dụng cụ	-	-	131.529.604	-
Thành phẩm	1.025.258.827	(704.691.917)	1.592.444.172	(704.691.917)
Hàng hoá	50.212.917.680	(3.482.522)	60.190.524.153	(3.482.522)
	<b>52.845.008.798</b>	<b>(996.368.889)</b>	<b>65.225.355.696</b>	<b>(996.368.889)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPI**

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.763.778.181	7.937.458.406	2.665.041.818	77.090.909	13.443.369.314
- Mua trong năm	-	336.909.091	251.030.000	30.681.818	598.620.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Số dư cuối năm	<u>2.763.778.181</u>	<u>8.274.367.497</u>	<u>2.836.071.818</u>	<u>107.772.727</u>	<u>13.981.990.223</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.472.944.606	3.739.924.103	1.185.030.092	58.631.321	6.456.530.122
- Khấu hao trong năm	172.777.812	912.562.460	227.055.192	13.882.581	1.326.278.045
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Số dư cuối năm	<u>1.645.722.418</u>	<u>4.652.486.563</u>	<u>1.352.085.284</u>	<u>72.513.902</u>	<u>7.722.808.167</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.290.833.575	4.197.534.303	1.480.011.726	18.459.588	6.986.839.192
Tại ngày cuối năm	<u>1.118.055.763</u>	<u>3.621.880.934</u>	<u>1.483.986.534</u>	<u>35.258.825</u>	<u>6.259.182.056</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.195.118.072 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.030.000.000 đồng.

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của công ty là phần mềm kế toán có nguyên giá tại thời điểm 31/12/2018 70.000.000 đồng, khấu hao lũy kế 70.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.614.164	134.084.428
	<u>43.614.164</u>	<u>134.084.428</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	22.443.944	52.401.511
	<u>22.443.944</u>	<u>52.401.511</u>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	5.105.418.089	5.105.418.089	3.912.045.587	3.912.045.587
- Công ty CP điện Trường Giang	212.454.000	212.454.000	3.423.433.847	3.423.433.847
- Công ty Cổ phần ECO năng lượng và môi trường	-	-	1.841.385.239	1.841.385.239
- Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	-	-	2.974.761.040	2.974.761.040
- Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	3.256.362.255	3.256.362.255	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.246.169.569	1.246.169.569	2.991.457.406	2.991.457.406
	<u>9.820.403.913</u>	<u>9.820.403.913</u>	<u>15.143.083.119</u>	<u>15.143.083.119</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lân, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	30.692.512	-	6.160.068.675	4.636.305.348	-	1.493.070.815
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	786.869.693	786.869.693	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	593.889.167	1.702.489.920	1.493.889.167	-	802.489.920
Thuế Thu nhập cá nhân	-	145.371.956	915.398.586	612.471.542	-	448.299.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	66.769.900	13.282.351	80.052.251	-	-
	<b>30.692.512</b>	<b>806.031.023</b>	<b>9.581.109.225</b>	<b>7.612.588.081</b>	<b>-</b>	<b>2.743.859.735</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	209.365.349	67.945.909
- Chi phí phải trả khác	-	39.289.117
	<b>209.365.349</b>	<b>107.235.026</b>

22/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**15 - VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	102.722.811.062	102.722.811.062	317.060.928.586	327.464.797.176	92.318.942.472	92.318.942.472
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (1)	42.192.937.014	42.192.937.014	89.092.102.900	107.603.720.167	23.681.319.747	23.681.319.747
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long (2)	60.529.874.048	60.529.874.048	188.772.868.986	188.665.120.309	60.637.622.725	60.637.622.725
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	-	-	3.365.956.700	3.365.956.700	-	-
- Vay cá nhân (3)	-	-	35.830.000.000	27.830.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>102.722.811.062</u>	<u>102.722.811.062</u>	<u>317.060.928.586</u>	<u>327.464.797.176</u>	<u>92.318.942.472</u>	<u>92.318.942.472</u>

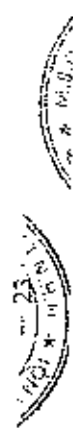
(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCV/HM/VCB/HGM-EPT ngày 25/11/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: tài trợ nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng nhưng không muộn hơn ngày 24/11/2019; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản.

(2) Hợp đồng tín dụng số 216/2018-HĐCV/HM/NHCT145-PGDDBH-EPT ngày 16/05/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15/05/2019, thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản.

(3) Đây là khoản vay các cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với thời gian vay từ 03-05 tháng, lãi suất 7%/năm.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Báo cáo tài chính

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	908.063.635	1.727.000.000	8.026.109.213	30.661.172.848
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.855.156.078	8.855.156.078
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.000.000.000	(3.476.000.000)	(2.476.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>908.063.635</b>	<b>2.727.000.000</b>	<b>9.405.265.291</b>	<b>33.040.328.926</b>
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	908.063.635	2.727.000.000	9.405.265.291	33.040.328.926
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.801.195.166	6.801.195.166
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.500.000.000	(9.053.000.000)	(6.553.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>908.063.635</b>	<b>5.227.000.000</b>	<b>7.153.460.457</b>	<b>33.288.524.092</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng có đóng số 01-18/EPT/HĐQT ngày 24/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận dùng để phân phối	9.053.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	2.553.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)	4.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Ông Nguyễn Hoa Cường	20,00%	4.000.000.000	41,50%	8.300.000.000
- Ông Phạm Ngọc Quý	10,50%	2.100.000.000	10,50%	2.100.000.000
- Ông Hoàng Anh Dũng	35,50%	7.100.000.000	9,50%	1.900.000.000
- Ông Hoàng Phương	9,25%	1.850.000.000	9,00%	1.800.000.000
- Các cổ đông khác	24,75%	4.950.000.000	29,50%	5.900.000.000
	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.000.000.000	4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.227.000.000	2.727.000.000
	<b>5.227.000.000</b>	<b>2.727.000.000</b>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

a) Ngoại tệ các loại	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	11.847,03	609,14
b) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty CP Xây lắp & Sản xuất Công Nghiệp	110.854.850	-

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	26.319.087.020	22.608.486.210
Doanh thu bán hàng	309.132.122.878	565.510.728.988
Doanh thu cung cấp dịch vụ	272.260.275	264.892.756
	<b>335.723.470.173</b>	<b>588.384.107.954</b>

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.217.485.654	237.614.280
Giảm giá hàng bán	1.899.563	164.650.022
	<b>2.219.385.217</b>	<b>402.264.302</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	24.266.128.850	21.806.006.468
Giá vốn của hàng hóa đã bán	278.218.358.080	533.394.881.318
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	156.158.813	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	971.164.134
	<b>302.640.645.743</b>	<b>556.172.051.920</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	182.510.234	77.646.523
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	90.510.243	146.631.216
	<b>273.020.477</b>	<b>224.277.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.544.827.149	5.244.661.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.511.318	52.964.249
	<b>8.546.338.467</b>	<b>5.297.625.607</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	529.088.615	262.723.367
Chi phí nhân công	3.533.003.253	3.610.690.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.702.508	60.963.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.225.430.005	7.255.344.417
Chi phí khác bằng tiền	75.544.473	243.016.179
Chi phí bảo hành	1.207.900.403	2.155.965.214
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(1.377.183.650)	(2.492.414.000)
	<b>8.345.485.607</b>	<b>11.096.288.971</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.059.963	454.429.145
Chi phí nhân công	5.262.306.750	3.741.874.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	345.050.949	434.198.676
Thuế, phí, lệ phí	438.620.558	964.452.943
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	(1.000.000.000)	(175.953.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.096.576	823.673.796
Chi phí khác bằng tiền	174.336.437	256.218.155
	<b>6.651.471.233</b>	<b>6.498.894.685</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	30.000.000	18.000.000
Thưởng doanh số đại lý	940.757.421	2.527.987.163
Thu nhập khác	3.718.298	-
	<b>974.475.719</b>	<b>2.545.987.163</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	55.190.502	34.307.000
Các khoản truy thu và phạt chậm nộp thuế	-	328.895.126
Chi phí khác	8.764.514	-
	<u>63.955.016</u>	<u>363.202.126</u>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	Đã điều chỉnh VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.503.685.086	11.324.045.245
Các khoản điều chỉnh tăng	8.764.514	371.980.588
- Chi phí không hợp lệ	8.764.514	371.980.588
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.512.449.600	11.696.025.833
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN khác	-	129.684.000
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<u>1.702.489.920</u>	<u>2.468.889.167</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	593.889.167	192.776.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.493.889.167)	(2.067.776.462)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<u>802.489.920</u>	<u>593.889.167</u>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.801.195.166	8.855.156.078
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.801.195.166	8.855.156.078
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>3.401</u>	<u>4.428</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**Số 91, Phố Hoa Lãm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.209.315.898	18.558.756.366
Chi phí nhân công	8.917.260.003	7.902.162.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.326.278.045	1.325.725.838
Chi phí dự phòng	(1.000.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.993.165.489	9.043.471.156
Chi phí khác bằng tiền	249.880.910	775.470.393
	<u>38.695.900.345</u>	<u>37.605.585.856</u>

**30 . NIỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.871.087.000	1.523.300.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**32 BÁO CÁO BỘ PHẬN**  
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh thương mại VND	Hoạt động sản xuất VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	306.912.737.661	26.519.087.020	272.260.275	333.504.084.956	333.504.084.956
Chi phí bộ phận trực tiếp	278.218.358.080	24.266.128.850	156.158.813	302.640.645.743	302.640.645.743
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.694.379.581	2.052.958.170	116.101.462	30.863.439.213	30.863.439.213
Tổng chi phí mua TSCĐ	251.030.000	536.909.091	30.681.818	598.620.909	598.620.909
Tài sản bộ phận	50.212.917.680	2.632.091.118	-	52.845.008.798	52.845.008.798
Tài sản không phân bổ	-	-	-	90.593.593.456	90.593.593.456
Tổng tài sản	50.212.917.680	2.632.091.118	-	143.438.602.254	143.438.602.254
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	110.150.078.162	110.150.078.162
Tổng nợ phải trả	-	-	-	110.150.078.162	110.150.078.162
Theo khu vực địa lý					

Trên 90% hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên không phải lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT**Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

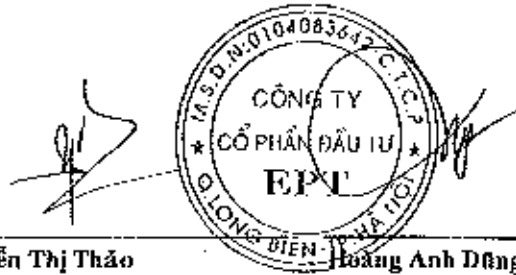
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 căn cứ trên Biên bản kiểm tra của Cơ quan thuế về việc tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng và chi phí phạt chậm nộp năm 2017. Cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán</b>			
Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.800.165.746	1.801.265.746
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	806.031.023	609.577.123
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.405.265.291	9.602.819.191
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Chi phí khác	32	363.202.126	295.332.226
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.468.889.167	2.339.205.167



Nguyễn Thị Thảo  
Người lập

Nguyễn Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

